

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01-4-2019
V/v: “ ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Bé.

2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 502/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2018 về việc: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Diễm C, sinh năm 1981. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/11/2018, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Diễm C trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Diễm C và ông Nguyễn Thanh T tự nguyện sống chung vào năm 2007, không có đăng ký kết hôn. Bà C và ông T sống chung hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà C và ông T bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau, ông T thường xuyên uống rượu về đánh đập bà C; bà C và ông T không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà C xác định không còn tình cảm với ông T nên bà C làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà C và ông T là vợ chồng.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ Nều lần bị đơn ông Nguyễn Thanh T đề

tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông T và không tiến hành hòa giải được.

Về con chung: Bà Trần Thị Diễm C khai có ba con chung tên là Nguyễn Trần Châu A, sinh ngày 03/3/2008, Nguyễn Trần Ngọc Y, sinh ngày 28/8/2011 và Nguyễn Trần Thiên N, sinh ngày 08/12/2015; bà C yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên là Nguyễn Trần Châu A, Nguyễn Trần Ngọc Y và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con chung tên là Nguyễn Trần Châu A, Nguyễn Trần Ngọc Y; bà C đồng ý để ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Trần Thiên N và bà C không cấp dưỡng nuôi con đôi với Nguyễn Trần Thiên N.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Diễm C khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn bà Trần Thị Diễm C thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Nguyễn Thanh T thực hiện không đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Không công nhận bà Trần Thị Diễm C và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Châu A, sinh ngày 03/3/2008; Nguyễn Trần Ngọc Y, sinh ngày 28/8/2011 cho bà Trần Thị Diễm C tiếp tục nuôi dưỡng đến lúc trưởng thành, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không có yêu cầu. Ông Nguyễn Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Thiên N, sinh ngày 08/12/2015 đến lúc trưởng thành, bà C không phải cấp dưỡng nuôi cháu Thiên N do ông T không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Diễm C khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà Trần Thị Diễm C khởi kiện ông Nguyễn Thanh T. Hiện nay, ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp C, xã M, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh

Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ông Nguyễn Thanh T là bị đơn được Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Thanh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai, giấy xác nhận ngày 05/11/2018 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, biên bản xác minh ngày 21/01/2019 về tình trạng hôn nhân của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và lời khai tại phiên tòa của bà Trần Thị Diễm C, có cơ sở xác định rằng: Bà Trần Thị Diễm C và ông Nguyễn Thanh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà C và ông T là vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa bà C và ông T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật thì không có giá trị pháp lý. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Diễm C và ông Nguyễn Thanh T không phải là hôn nhân hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do đó, bà Trần Thị Diễm C yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà C và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con: Bà Trần Thị Diễm C khai có ba con chung tên là Nguyễn Trần Châu A, sinh ngày 03/3/2008, Nguyễn Trần Ngọc Y, sinh ngày 28/8/2011 và Nguyễn Trần Thiên N, sinh ngày 08/12/2015; hiện nay cháu C Anh và cháu Ngọc Y đang sống với bà C, cháu Thiên N đang sống với ông T. Bà C yêu cầu là người được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Châu A và cháu Ngọc Y, bà C đồng ý để ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thiên N. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Do ông T vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu được nuôi con của bà C là có cơ sở và phù hợp với ý kiến của cháu Châu A và cháu Ngọc Y được sống chung với mẹ. Căn cứ Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận để bà C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trần Châu A và Nguyễn Trần Ngọc Y; ông T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Trần Thiên N.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Diễm C không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Nguyễn Trần Châu A và cháu Nguyễn Trần Ngọc Y nên ghi nhận; tại phiên tòa, bà C không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung đối với Nguyễn Trần Thiên N. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có ý kiến hay yêu cầu gì nên phải chịu hậu quả bất lợi về sự vắng mặt của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đóng góp chi phí nuôi con đối với bà Trần Thị Diễm C và ông Nguyễn Thanh T.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Diễm C khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị Diễm C phải chịu là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng.

[7] Tại phiên tòa, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 9, 14, 15, 53, 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị Diễm C và ông Nguyễn Thanh T là vợ chồng.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Trần Thị Diễm C là người trực tiếp nuôi hai con chung tên là Nguyễn Trần Châu A, sinh ngày 03/3/2008, Nguyễn Trần Ngọc Y, sinh ngày 28/8/2011; ông Nguyễn Thanh T là người trực tiếp nuôi con chung tên là Nguyễn Trần Thiên N, sinh ngày 08/12/2015. Ghi nhận việc bà Trần Thị Diễm C không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con. Bà Trần Thị Diễm C và ông Nguyễn Thanh T là người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân, cơ quan, tổ chức sau có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con: Người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Diễm C khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Trần Thị Diễm C phải nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0021347 ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

5. Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THA);
- UBND X. M, H. G, T. Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Kim Trường Sơn